

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Kim Anh	Chủ tịch - bổ nhiệm từ ngày 25/03/2011
Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch - miễn nhiệm từ ngày 25/03/2011
Ông Bùi Tấn Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Cù Mạnh Đạt	Thành viên
Ông Trương Bình An Sơn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Thu Lan	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Đạo	Thành viên
Bà Trịnh Thanh Huyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tấn Hòa	Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Giám đốc - bổ nhiệm từ ngày 01/05/2011

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Bùi Tấn Hòa
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011



Số: 38 /2011/UHYHCM - BCSX

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi
Cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 10/08/2011, trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		582.946.028.792	552.462.069.291
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53.479.762.145	67.484.438.480
Tiền	111		53.479.762.145	67.484.438.480
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.625.065.000	1.900.076.000
Đầu tư ngắn hạn	121		2.550.102.000	2.550.102.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(925.037.000)	(650.026.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.116.804.371	191.768.675.947
Phải thu khách hàng	131		175.695.003.360	190.154.828.972
Trả trước cho người bán	132		394.000.000	1.326.282.816
Các khoản phải thu khác	135		27.801.011	287.564.159
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		348.315.752.890	286.336.486.362
Hàng tồn kho	141	6	348.315.752.890	286.336.486.362
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.408.644.386	4.972.392.502
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.188.604	103.794.711
Thuế GTGT được khấu trừ	152	7	2.967.941.393	4.851.807.004
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		356.514.389	16.790.787
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.034.687.016	50.384.305.277
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		23.784.687.016	30.134.305.277
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.167.245.827	15.334.259.059
- Nguyên giá	222		340.487.052.487	339.894.505.923
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.319.806.660)	(324.560.246.864)
Tài sản cố định vô hình	227	9	7.936.507.841	8.119.112.870
- Nguyên giá	228		15.525.212.589	15.525.212.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.588.704.748)	(7.406.099.719)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	6.680.933.348	6.680.933.348
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.250.000.000	20.250.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	11	20.250.000.000	20.250.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		626.980.715.808	602.846.374.568

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		420.767.049.690	401.265.565.327
Nợ ngắn hạn	310		420.580.127.478	401.016.487.615
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	312.810.584.454	316.110.938.693
Phải trả người bán	312		83.086.949.915	67.316.189.156
Người mua trả tiền trước	313		1.377.938.732	237.342.372
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.085.721.064	10.014.639.333
Phải trả người lao động	315		6.826.062.390	4.762.054.647
Chi phí phải trả	316	14	9.060.714.056	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	425.768.287	1.101.416.400
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành	323		1.906.388.580	1.473.907.014
Nợ dài hạn	330		186.922.212	249.077.712
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		186.922.212	249.077.712
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206.213.666.118	201.580.809.241
Vốn chủ sở hữu	410	16	206.213.666.118	201.580.809.241
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.038.300.000	131.038.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	5.801.550.793
Quỹ đầu tư phát triển	417		19.738.135.663	13.925.517.125
Quỹ dự phòng tài chính	418		16.791.232.270	12.504.408.270
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.645.998.185	38.311.033.053
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		626.980.715.808	602.846.374.568

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		935.527.140	1.019.400.000
Ngoại tệ các loại			
- USD		141.535,24	358.290,02
- EUR		3,57	0,75

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Tuấn

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	662.585.103.676	601.594.221.770
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		662.585.103.676	601.594.221.770
Giá vốn hàng bán	11	18	577.616.053.205	537.273.242.675
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.969.050.471	64.320.979.095
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	901.234.729	2.023.308.935
Chi phí tài chính	22	20	42.078.182.647	25.782.851.374
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.532.765.737	9.838.909.094
Chi phí bán hàng	24		8.738.006.989	8.437.059.611
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.938.560.766	6.183.599.744
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.115.534.798	25.940.777.301
Thu nhập khác	31		335.333.682	198.811.397
Chi phí khác	32		942.207	23.156.334
Lợi nhuận khác	40		334.391.475	175.655.063
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.449.926.273	26.116.432.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.995.630.603	1.963.708.739
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.454.295.670	24.152.723.625
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.866	1.843

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Tuấn

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		26.449.926.273	26.116.432.364
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		6.942.164.825	12.234.476.087
Các khoản dự phòng	3		275.011.000	125.005.000
Lãi hoạt động đầu tư	5		(540.904.750)	(1.845.939.268)
Chi phí lãi vay	6		16.532.765.737	9.838.909.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		49.658.963.085	46.468.883.277
Tăng giảm các khoản phải thu	9		17.206.013.585	(77.228.633.150)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(61.979.266.528)	(31.957.623.585)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		19.165.182.410	33.461.658.822
Tăng giảm chi phí trả trước	12		19.606.107	(55.343.039)
Tiền lãi vay đã trả	13		(16.532.765.737)	(9.838.909.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.738.063.607)	(1.583.593.680)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		709.494.296	1.819.705.970
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(626.263.534)	(4.428.714.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.882.900.077	(43.342.568.877)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(592.546.564)	(4.348.776.313)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		540.904.750	1.845.939.268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.641.814)	(2.502.837.045)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		559.837.519.708	483.887.903.243
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(569.190.473.146)	(411.074.636.519)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.482.981.160)	(17.038.190.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.835.934.598)	55.775.076.324
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.004.676.335)	9.929.670.402
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	67.484.438.480	37.913.110.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	53.479.762.145	47.842.780.647

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Tuấn

Trương Bình An Sơn

Bùi Tấn Hòa

